

Số: 42/2024/QĐST-HNGĐ

Quế Võ, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/11/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980.

HKTT: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh T.

Tạm trú: Khu 1, phường P, thị xã Q, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 29 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trương Văn H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trương Văn H đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trương Văn H có 02 con chung là Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 25/8/2012 và Trương Thành Đ, sinh ngày 22/12/2018. Anh Trương Văn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Thị Mỹ H và Trương Thành Đ.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/1 tháng cho cháu Trương Thành Đ, kể từ tháng 01/2025 cho đến

khi cháu Đ đủ 18 tuổi, còn cháu H các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0000837, ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh B (Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hồng